

Số: 47/2023/QĐST-HNGĐ

Tam Điệp, ngày 21 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: anh **Vũ Đình T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **số nhà I, tổ F, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

- Bị đơn: chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **số nhà I, tổ F, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 148; Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Vũ Đình T** và chị **Nguyễn Thị N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung:

Anh **Vũ Đình T** và chị **Nguyễn Thị N** có một con chung là cháu **Vũ Hương G**, sinh ngày 30/8/2012. Sau khi ly hôn, chị **Nguyễn Thị N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Vũ Hương G**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **Vũ Đình T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Vũ Hương G**, số tiền 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu **Vũ Hương G** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Về tài sản chung: anh **Vũ Đình T** và chị **Nguyễn Thị N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Vũ Đình T** phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng hai khoản là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh **T1**, đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0002772 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Anh **Vũ Đình T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- UBND xã Sông Lô, huyện Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phan Ngọc Hà

